

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

chức vụ - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Chu Vĩnh C, chức vụ - Giám đốc; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên toà.

3.2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

- Đối với yêu cầu của ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H:

Năm 2012 gia đình ông S, bà H nhận sang nhượng của ông Vũ Văn L (hộ khẩu thường trú tại thôn 6C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) 01 lô đất diện tích khoảng 01ha, trên đất có trồng 500 cây cao su. Lô đất có nguồn gốc: năm 2009 ông L nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn M (ở thôn 6B, xã O, huyện E), lô đất này ông M khai hoang, sử dụng từ năm 1995. Ngày 30/6/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp trích lục thửa đất số 53, tờ bản đồ số 14, diện tích 9.934,5m², đất cây lâu năm. Ngày 14/7/2015 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện E ban hành Thông báo số 178/TB-UBND thu hồi đất để phục vụ điểm tái định canh hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng di dân và tái định cư Hồ chứa nước K thượng. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E kiểm đếm tài sản 500 cây cao su, sau đó gia đình ông S, bà H đã bàn giao mặt bằng cho Ban dự án để quản lý, nhưng chưa được nhận tiền đền bù. Tuy nhiên, ngày 10/5/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E kiểm đếm lại thì còn 04 cây cao su. Tiếp đó, ngày 03/12/2021 UBND huyện E ban hành Quyết định số 748/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 9.934,5m² và đền bù số tiền là 509.670 đồng.

UBND huyện E cho rằng đất của gia đình ông S, bà H không canh tác liên tục, lấn chiếm đất Lâm trường nên không được đền bù. Như vậy, UBND huyện E thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng không khách quan, đưa chứng cứ giả tạo vào để thực hiện việc đền bù là trái pháp luật. Bởi vì năm 2015 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã kiểm đếm tài sản trên đất có 500 cây cao su, diện tích đất này ông S, bà H đã giao cho Ban quản lý dự án. Nay UBND huyện E chỉ đưa 04 cây cao su vào để đền bù, còn lại 496 cây cao su không đưa tài sản này vào để áp giá đền bù là trái quy định của pháp luật. Nhận thấy, UBND huyện thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng sai về mặt hình thức và nội dung, không xác minh làm rõ nguồn gốc đất, không áp giá tài sản, định giá tài sản từng loại cây cao su để thực hiện việc đền bù đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi đền bù không đúng gia đình ông S, bà H phản

đổi rất nhiều lần thì UBND huyện E ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường ngày 03/12/2021 hỗ trợ cho gia đình ông S, bà H số tiền là 119.723.760 đồng. Từ đó, đã xác định rõ hành vi vi phạm pháp luật của UBND huyện E về việc đền bù giải phóng mặt không đúng theo quy định của pháp luật, thu hồi, đền bù cho gia đình ông S từ số tiền 509.670 đồng chuyển sang 119.723.760 đồng. Hiện nay, Báo cáo số 12/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 25/02/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã thừa nhận năm 2015 đã kiểm đếm diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất. Ngày 23/6/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã cung cấp Bảng kiểm đếm tài sản trên đất có số lượng là 311 cây cao su. Số tài sản này chưa đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ dẫn đến gây thiệt hại tài sản của gia đình ông S, bà H rất nghiêm trọng.

Từ cơ sở trên, có căn cứ xác định thửa đất của gia đình ông S, bà H có nguồn gốc khai hoang từ năm 1995, nhận sang nhượng và canh tác liên tục, sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay. Gia đình ông S, bà H không lấn chiếm, không tranh chấp; ông S, bà H là người mua bán ngay tình và sử dụng ổn định canh tác liên tục trên đất. UBND huyện E cố tình làm sai lệch hồ sơ và cho rằng đất của ông S, bà H không canh tác liên tục để thu hồi đất mà không đền bù cho gia đình ông S, bà H là không đúng. Mặt khác, tại thời điểm khai hoang và sử dụng đến nay không có ai ngăn cấm, không có Biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với thửa đất này. Tuy ông S, bà H đã nhận số tiền đền bù là 119.723.760 đồng trên; nhưng gia đình ông S, bà H chưa đồng ý. Bởi vì, đây chỉ mới hỗ trợ về đất, còn việc đền bù diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất số tài sản kiểm đếm vào năm 2015 thì chưa xác định, định giá tài sản để đền bù.

Do đó, ông S, bà H đề nghị Tòa án: hủy Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E về việc thu hồi đất và một phần Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với phần bồi thường cho gia đình ông S, bà H. Buộc UBND huyện E phải thực hiện việc thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng đúng theo quy định của pháp luật, đền bù theo Luật Đất đai năm 2013. Diện tích đất bị thiệt hại và yêu cầu bồi thường là 9.934,5m² đất trồng cây lâu năm và 496 cây cao su trồng năm 2012 tại thôn 6C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với yêu cầu của ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V:

Năm 2012 gia đình ông N nhận sang nhượng của ông Vũ Văn L 01 lô đất diện tích khoảng 01ha, trên đất có 500 cây cao su trồng năm 2012. Lô đất có nguồn gốc: vào năm 2009 ông L nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn M, lô đất này ông M khai hoang sử dụng từ năm 1995. Ngày 30/6/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E đo đạc cấp trích lục thửa đất số 43, tờ bản đồ số 14, diện tích 9.838,7m², đất cây lâu năm. Ngày 14/7/2015 UBND huyện E ban hành Thông báo

số 226/TB UBND thu hồi đất để phục vụ điểm tái định canh hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng di dân và tái định cư Hồ chứa nước K thượng và được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E kiểm đếm tài sản được 500 cây cao su, gia đình ông N đã bàn giao mặt bằng cho Ban dự án vào năm 2015, nhưng gia đình chưa được nhận tiền đền bù. Tuy nhiên, ngày 23/5/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E kiểm đếm lại thì không còn cây cao su nào nữa. Tiếp đó, ngày 03/12/2021 UBND huyện E ban hành Quyết định số 749/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 9.838,7m² đất và Quyết định số 746/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường là 0 đồng. UBND huyện E cho rằng đất của ông N lấn chiếm đất Lâm trường và không canh tác liên tục nên không được nhận tiền đền bù.

Nhận thấy, UBND huyện E thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng không khách quan, không đúng pháp luật, đưa chứng cứ giả tạo vào để thực hiện việc đền bù là trái pháp luật. Bởi vì, năm 2015 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã kiểm đếm tài sản trên đất có 500 cây cao su. Nay UBND huyện E kiểm đếm lại không còn cây nào và đền bù không đồng. Không đồng ý Quyết định trên ông N đã kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì lúc này UBND huyện E có Quyết định phê duyệt phương án đền ngày 03/12/2021 cho gia đình ông N từ số tiền 0 đồng lên thành 118.064.400 đồng, số tiền này ông N đã nhận, nhưng ông N vẫn chưa đồng ý việc thu hồi trên. Lý do đền bù chưa đúng thực tế. Ngày 25/02/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E có Báo cáo số 12/TTPTQĐ/ĐBGPMB thừa nhận vào năm 2015 đã kiểm đếm tài sản của hộ ông Vũ Công N.

Như vậy, UBND huyện E không đưa tài sản 500 cây cao su kiểm đếm năm 2015 vào để áp giá đền bù là trái quy định của pháp luật. Việc UBND huyện E thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi diện tích đất của ông N là sai về mặt hình thức và nội dung, không xác minh làm rõ nguồn gốc đất, không áp giá tài sản từng chủng loại cây để thực hiện việc đền bù đúng theo quy định. Đất của gia đình ông N có nguồn gốc khai hoang từ năm 1995, nhận sang nhượng sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay, gia đình ông N không lấn chiếm, không tranh chấp đất của ai. Mặt khác, tại thời điểm khai hoang và sử dụng đến nay không có ai ngăn cấm và không có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với thửa đất này. Việc UBND huyện E nhận định đất của ông N không canh tác liên tục là không có căn cứ. Gia đình ông N đã khiếu nại rất nhiều thì UBND huyện E mới thừa nhận và hỗ trợ cho gia đình ông N số tiền là 118.064.400 đồng, mặc dù ông N đã nhận số tiền trên nhưng vẫn chưa đồng ý việc đền bù. Bởi vì, đây chỉ mới hỗ trợ về đất số tiền là 118.064.400 đồng, còn việc đền bù thì chưa xác định áp giá đền bù diện tích đất, chưa xác định tài sản loại cây cao su trồng vào năm 2012 đã kiểm đếm từ năm 2015 để đền bù đúng theo quy định.

Do đó, ông Vũ Công N và bà Vũ Thị V đề nghị Tòa án: hủy Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E về việc thu hồi đất và một phần Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với gia đình ông N, bà V. Buộc UBND huyện E phải thực hiện việc thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng đúng theo quy định của pháp luật, đền bù theo Luật Đất đai năm 2013. Diện tích đất bị thiệt hại và yêu cầu bồi thường là 9.838,7m² đất trồng cây lâu năm và 500 cây cao su trồng năm 2012 tại thôn 6C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu về: Hủy Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 và Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E, về việc thu hồi đất.

2. Tại bản tự khai, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất của ông Ngô Giang S:

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 3043/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 08/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, hộ ông Ngô Giang S sử dụng diện tích 9.934,5m² thuộc thôn 6C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Kết quả xác nhận số 45/GXN-UBND ngày 12/11/2021 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình: đất trồng lúa nước 2 vụ - điểm tái định cư số 01 tại thôn 6c, xã C thuộc dự án Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk.

Diện tích 9.934,5m² hộ ông Ngô Giang S sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ hộ ông Vũ Văn L vào năm 2013 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nguồn gốc sử dụng đất cụ thể như sau: hộ ông Nguyễn Văn M lấn chiếm đất năm 1995 trên đất Công ty Lâm nghiệp đã được UBND tỉnh thu hồi và trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 2.672,3ha đất của Công ty Lâm nghiệp E giao cho UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đến năm 2010 hộ ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng cho hộ Vũ Văn L. Đến năm 2013 ông Vũ Văn L chuyển nhượng cho ông Ngô Giang S. Việc sử dụng đất ổn định, liên tục: từ năm 1995 đến năm 2010 sử dụng đất không liên tục; từ năm 2010 đến 2015 sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp; từ năm 2015 đến nay không canh tác sử dụng.

- Về nguồn gốc sử dụng đất của ông Vũ Công N:

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 3042/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 07/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, hộ ông Vũ Công N, bà Vũ

Thị V sử dụng diện tích 9.838,7m² thuộc thôn 6C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Kết quả xác nhận số 44/GXN-UBND ngày 12/11/2021 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình: đất trồng lúa nước 2 vụ - điểm tái định cư số 01 tại thôn 6C, xã C thuộc dự án Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk.

Diện tích 9.838,7m² hộ ông Vũ Công N sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ hộ ông Vũ Văn L vào năm 2013 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nguồn gốc sử dụng đất cụ thể như sau: hộ ông Nguyễn Văn M lấn chiếm đất năm 1995 trên đất Công ty Lâm nghiệp đã được UBND tỉnh thu hồi và trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 2.672,3 ha đất của Công ty Lâm nghiệp E giao cho UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đến năm 2010 hộ ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng cho hộ Vũ Văn L. Đến năm 2013 ông Vũ Văn L chuyển nhượng cho ông Vũ Công N. Việc sử dụng đất ổn định, liên tục: từ năm 1995 đến năm 2010 sử dụng đất không liên tục; từ năm 2010 đến 2015 sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp; từ năm 2015 đến nay không canh tác sử dụng.

- Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất:

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án đầu tư Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 4988/QĐ-BNN-XD ngày 20/12/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án: hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1); Quyết định số 140/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh phân giao nhiệm vụ chủ đầu tư và quản lý vốn đầu tư Dự án: hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1); Quyết định 3568/QĐ-BNN-XD ngày 13/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quyết định phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Dự án đầu tư xây dựng Dự án: hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1).

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) của UBND huyện E; Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện E; Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện E.

Ngày 14/7/2015 UBND huyện E ban hành Thông báo thu hồi đất số 178, 226/TB-UBND thông báo thu hồi đất để phục vụ xây dựng điểm tái định canh thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư dự án Hồ chứa nước K Thượng đối với các hộ gia đình nêu trên.

Xét đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E tại Công văn số 154/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 03/11/2021 về việc đề nghị điều chỉnh bổ sung thông báo thu hồi đất khu trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C. Ngày 04/11/2021 UBND huyện E ban hành Thông báo số 57/TB-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Thông báo thu hồi đất số 206, 191, 196, 176, 197, 213, 214, 195, 224, 181, 184, 280, 226, 178, 185, 192/TB-UBND ngày 14/7/2015; số 308/TB-UBND ngày 19/12/2016 và 306/TB-UBND ngày 09/8/2017 của UBND huyện E.

Ngày 10/5/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất, đối với thửa đất hộ ông Ngô Giang S đang sử dụng. Tại thời điểm kiểm đếm diện tích 9.934,5m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 14, hiện trạng có 04 cây cao su và cây bụi cỏ dại mọc hoang.

Ngày 13/5/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện kiểm đếm về đất đai, tài sản vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất hộ ông Vũ Công N đang sử dụng. Tại thời điểm kiểm đếm diện tích 9.838,7m² thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 14 hiện trạng là cây bụi cỏ dại mọc hoang.

Căn cứ Kết quả kiểm đếm đối với các hộ gia đình. Kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 44, 45/GXN-UBND ngày 12/11/2021 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất và các quy định của pháp luật. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E lập Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình.

Ngày 01/9/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E tổ chức niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc dự án Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk. Phương án được công khai tại Hội trường thôn 6C, xã C, huyện E và trụ sở UBND xã C. Cùng ngày, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã tổ chức đối thoại với các trường hợp có ý kiến không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 20/9/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E tổ chức thực hiện việc kết thúc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Phương án được công khai tại Hội trường thôn 6C, xã C, huyện E và trụ sở UBND xã C.

Ngày 08/10/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E có Tờ trình số 26/TTr-TTPTQĐ về việc đề nghị phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng (kèm theo Phương án số 20/PA-TTPTQĐ ngày 08/10/2021); đề nghị các cơ quan thẩm định Phương án bồi thường theo quy định.

Ngày 13/10/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND xã C, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức thẩm định phương án theo quy định. Theo đó, các cơ quan tham gia thẩm định đã đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm tra, rà soát điều chỉnh bổ sung Phương án.

Sau khi kiểm tra, rà soát điều chỉnh bổ sung Phương án theo kết quả thẩm định của các cơ quan tham gia thẩm định. Ngày 19/11/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E có Tờ trình số 42/TTr-TTPTQĐ về việc đề nghị phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng (kèm theo Phương án số 40/PA-TTPTQĐ ngày 19/11/2021).

Ngày 23/11/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND xã C, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức thẩm định phương án theo quy định.

Ngày 03/12/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E có Tờ trình số 1361/TTr-LN: TNMT-TCKH về việc đề nghị phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk. Cùng ngày 03/12/2021 UBND huyện E ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng đối với 03 hộ/20.634,6m²/248.125.000 đồng (trong đó có 02 hộ gia đình nêu trên) và các Quyết định số 748, 749/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với các hộ ông Ngô Giang S, hộ ông Vũ Công N.

Căn cứ Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thu hồi đất, bồi thường, tái định cư, kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định

kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc UBND huyện E, Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh Tế - Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền phê duyệt Phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất.

Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất:

“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất”.

Căn cứ Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thu hồi đất, bồi thường, tái định cư, kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (nay là Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 quyết định ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng đối với 03 hộ/20.634,6m²/248.125.000 đồng (trong đó có 02 hộ gia đình nêu trên) và Quyết định số 748, 749/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc Dự án: Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

- Về căn cứ pháp lý lập Phương án bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”*.

Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: “Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:*

- 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;*
- 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;*
- 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;*
- 4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.”*

Căn cứ Công văn số 8668/UBND-TNMT ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng tại dự án Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk. Tại Mục 5: các trường hợp được bồi thường về đất và các trường hợp không được bồi thường về đất:

“Các trường hợp được bồi thường về đất được quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; các trường hợp không được bồi thường về đất được quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013. Các trường hợp sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh; các trường hợp sử dụng đất trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh (nay là Công ty Nông Lâm nghiệp) đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trên diện tích đất này chưa được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ theo Quyết

định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk”.

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk:

“Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: không được xem xét hỗ trợ.”

Căn cứ Công văn số 2309/UBND-NNMT ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn áp dụng điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh. Theo đó, việc xác định thời điểm sử dụng đất làm căn cứ áp dụng mức hỗ trợ cho các trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất được quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk được căn cứ theo thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng, đối với phần diện tích không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi UBND cấp huyện ban hành Thông báo thu hồi đất.

Căn cứ Kết quả kiểm đếm đối với các hộ gia đình: Kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 44, 45/GXN-UBND ngày 12/11/2021 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình: đất trồng lúa nước 2 vụ - điểm tái định cư số 01, tại

thôn 6C, xã C thuộc dự án Hồ chứa nước K Thượng, tỉnh Đắk Lắk và các quy định của pháp luật.

UBND huyện E ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng đối với 03 hộ (trong đó có hộ ông Ngô Giang S và ông Vũ Công N).

Do đó, việc ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V khởi kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND huyện E là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của UBND huyện E và đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Bản tự khai, UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

UBND xã C nhận được hồ sơ bàn giao của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đề nghị UBND xã xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Vũ Công N và ông Ngô Giang S, gồm: Thông báo thu hồi đất của UBND huyện E số 226 và số 178 ngày 14/7/2015 về việc thông báo thu hồi đất để phục vụ điểm tái định canh hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng di dân tái định cư thuộc Dự án Hồ chứa nước K Thượng, diện tích thu hồi của ông Vũ Công N là 9.838,7m² và ông Ngô Giang S là 9.934,5m², có mục đích sử dụng là đất cây lâu năm địa chỉ thôn 6C, xã C, kèm theo trích lục thửa đất số 43, 53, tờ bản đồ số 14 mảnh trích đo địa chính số 3042/TL-VPĐKKD-KTĐC, số 3043/TL-VPĐKKĐ-KTĐC do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/04/2021 và Biên bản kiểm đếm của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E.

UBND xã C đã tiến hành xác minh và thu thập hồ sơ đất đai để có cơ sở xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 43, 53, tờ bản đồ số 14 với diện tích 9.838,7m² + 9.934,5m² đất cây lâu năm của ông Vũ Công N và ông Ngô Giang S. Kết quả xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất trên của ông Vũ Công N và ông Ngô Giang S được UBND xã xác nhận như sau: hộ ông Nguyễn Văn M lấn chiếm đất lâm nghiệp năm 1995, đến năm 2010 bán lại cho ông Vũ Văn L. ông Vũ Văn L sử dụng đến năm 2013 thì chuyển nhượng cho ông Vũ Công N và ông Ngô Giang S. Từ năm 1995 đến năm 2010 sử dụng canh tác không liên tục. Từ năm 2010 đến năm 2013 sử dụng liên tục vào mục đích đất canh tác nông nghiệp. Từ năm 2013 đến năm 2021 không canh tác sử dụng.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 62, Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 23 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H về việc hủy Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa 02 vụ - điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E thuộc dự án: Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V về việc hủy Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa 02 vụ - điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc dự án: Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V.

Hủy một phần Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: cánh đồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thuộc dự án: Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk (Phương án 03 hộ) đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng gắn liền với đất cho hộ ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và hộ ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng gắn liền với đất cho hộ ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và hộ ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2022 Ủy ban nhân dân huyện E kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo.

ông Chu Vĩnh Cường trình bày: chúng tôi không đồng ý với Bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX xem xét với những lý do như sau: thứ nhất, đối với đất nông nghiệp chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về lập phương án bồi thường; thứ hai, do không bố trí được nguồn vốn, nên đến 2021 mới thực hiện kiểm đếm; thứ ba, Biên bản kiểm đếm năm 2016 không có chữ ký của các đơn vị liên quan và xác nhận của địa phương, nên không có cơ sở pháp lý; thứ tư, Tòa án xác nhận thời điểm sử dụng đất từ năm 1995 là không có cơ sở. Căn cứ bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000, 2010, phạm vi các hộ gia đình khởi kiện là đất chưa sử dụng vào sản xuất. Đồng thời, các hộ ông S, ông N có địa chỉ thường trú ở Buôn Mê Thuột, cách thửa đất bị thu hồi khoảng 100km; ông S là cán bộ nghỉ hưu, vợ bị liệt, do đó việc trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp là không có cơ sở. Do đó, kính đề nghị HĐXX sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. ông Chiến thống nhất.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện là UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 123/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 13/10/2022 Ủy ban nhân dân huyện E kháng cáo một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày

03/12/2021 và Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E về việc thu hồi đất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, từ đó Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện này theo khoản 2 Điều 173 của Luật Tổ tụng hành chính là có căn cứ.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 748/QĐ-UBND, Quyết định số 749/QĐ-UBND và Quyết định số 746/QĐ-UBND cùng ngày 03/12/2021 đều của UBND huyện E ban hành về việc thu hồi đất và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất có liên quan đến hộ ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và hộ ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V. Không đồng ý với các quyết định trên, ngày 26/4/2022 ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết huỷ các quyết định trên. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, là đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E:

[3.1] Ngày 14/7/2015 UBND huyện E ban hành Thông báo thu hồi đất số 178/TB-UBND và số 226/TB-UBND có nội dung: dự kiến thu hồi của hộ ông Ngô Giang S 9.934,5m² đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 14 và của hộ ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V 9.838,7m² đất của tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 14. Thời gian điều tra, đo đạc, kiểm đếm 20 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo thu hồi đất.

[3.2] Xem xét về thời hạn Thông báo thu hồi đất đến thời hạn ban hành quyết định thu hồi đất thấy rằng: ngày 14/7/2015 UBND huyện E ban hành Thông báo thu hồi đất số 178/TB-UBND và số 226/TB-UBND đối với hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N; đồng thời trong năm 2016 đã kiểm kê xác định khối lượng tài sản trên đất của từng hộ. Tuy nhiên, đến ngày 03/12/2021 UBND huyện E mới ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND thu hồi đất và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông S, ông N là chậm trễ, không tuân thủ việc kiểm đếm tài sản trên đất tại thời điểm năm 2015 theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3.3] Xét việc bồi thường về đất:

Ngày 04/7/2003 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.672,3 ha đất của Công ty Lâm nghiệp E; trong đó có diện tích đất hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N đang sử dụng có nguồn gốc lấn chiếm của Công ty Lâm nghiệp E. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất được chính quyền địa phương xác nhận hoặc các Biên lai nộp

thuế sử dụng đất nông nghiệp. Do đó, UBND huyện E không bồi thường về đất cho hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N mà chỉ hỗ trợ về đất là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh).

Tại Kết quả xác nhận số 45/GXN-UBND và số 44/GXN-UBND ngày 12/11/2021 của UBND xã C, huyện E đối với hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 22, 23/7/2021 đối với thửa đất của ông Ngô Giang S và ông Vũ Công N đều xác định: “... Năm 1995 hộ ông Nguyễn Văn M lấn chiếm đất Lâm nghiệp E, đến năm 2010 ông M chuyển nhượng cho ông Vũ Văn L; ông L canh tác, sử dụng đến năm 2013 thì chuyển nhượng cho ông Ngô Giang S và ông Vũ Công N... Từ năm 1995 đến năm 2010 hai thửa đất này được sử dụng không liên tục; từ năm 2010 đến 2015 sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp; từ năm 2015 đến nay không canh tác sử dụng” (bút lục số 157, 158; số 174, 175; số 261, 262).

[3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M đều xác định rằng ông sử dụng đất ổn định, liên tục vào sản xuất nông nghiệp từ năm 1995 đến năm 2010. Trong khi ông Nông Đức Thịnh và ông Nông Văn Nam có tên trong Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 22/7/2021, nhưng ông Thịnh, ông Nam đều xác định không tham gia, không ký và không biết về nguồn gốc đất của hộ ông S và ông N sử dụng (bút lục số 326). Khoản 2 Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk) quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: không được xem xét hỗ trợ”.

Toà án cấp sơ thẩm nhận định: hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định là có căn cứ. Việc UBND huyện E chỉ hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định cho hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai hộ ông Ngô Giang S và ông Vũ Công N.

[3.5] Xét bồi thường cây trồng trên đất:

Theo Báo cáo số 12/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 25/02/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E và 02 Biên bản ngày 13/5/2016 về việc kiểm kê xác định khối lượng về đất, tài sản gắn liền với đất và cây trồng trên đất của hộ gia đình, cá nhân để lập Phương án bồi thường đối với hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N, xác định: trên đất của ông Ngô Giang S có 220 cây cao su trồng năm thứ 2 loại A và 91 cây cao su trồng năm thứ 2, loại B; trên đất của ông Vũ Công N có 220 cây cao su trồng năm thứ 2, loại A và 91 cây cao su trồng năm thứ 2, loại B.

Biên bản về việc kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 14 đối với hộ ông Ngô Giang S và thửa đất số 43, tờ bản đồ số 14 đối với hộ ông Vũ Công N ngày 10, 13/5/2021 xác định: trên đất của ông Ngô Giang S có 04 cây cao su loại C trồng năm 2012; trên đất của ông Vũ Công N hiện trạng là cây bụi cỏ dại mọc hoang (bút lục số 153 đến 155; số 170 đến 172).

Từ đó, ngày 03/12/2021 UBND huyện E ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; trong đó có hỗ trợ về đất và 04 cây cao su trên đất cho hộ ông Ngô Giang S và hỗ trợ về đất cho hộ ông Vũ Công N.

Xét thấy: sau khi có Thông báo thu hồi đất và kiểm đếm tài sản trên đất năm 2015, 2016 thì hộ ông Ngô Giang S và hộ ông Vũ Công N thực hiện việc bàn giao đất. Do đó, có căn cứ xác định trên đất của ông Ngô Giang S có 220 cây cao su trồng năm thứ 2 loại A và 91 cây cao su trồng năm thứ 2, loại B; trên đất của ông Vũ Công N có 220 cây cao su trồng năm thứ 2, loại A và 91 cây cao su trồng năm thứ 2, loại B. Mặc dù, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E cho rằng việc đo đạc kiểm đếm năm 2016 không đúng trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E là cơ quan chuyên môn lập và lưu trữ Biên bản trên, do đó khai nại này là

không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, Biên bản về việc kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất ngày 10, 13/5/2021 cũng không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: UBND huyện E không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Giang S 220 cây cao su trồng năm thứ 2 loại A và 91 cây cao su trồng năm thứ 2, loại B; hộ ông Vũ Công N 220 cây cao su trồng năm thứ 2, loại A và 91 cây cao su trồng năm thứ 2, loại B là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai hộ ông S và hộ ông N.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Giang S và ông Vũ Công N là có căn cứ pháp luật. Bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện E phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 62; Điều 63; khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 69; khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 23 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H về việc hủy Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa 02 vụ -

điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc dự án: Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V về việc hủy Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: đất trồng lúa 02 vụ - điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc dự án: Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V.

Hủy một phần Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: cánh đồng lúa nước 02 vụ - điểm tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thuộc dự án: Hồ chứa nước K Thượng tỉnh Đắk Lắk (Phương án 03 hộ) đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng gắn liền với đất cho hộ ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và hộ ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng gắn liền với đất cho hộ ông Ngô Giang S, bà Tạ Thị H và hộ ông Vũ Công N, bà Vũ Thị V theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022484 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Phước Thanh

Trần Thị Kim Liên

Trần Quốc Cường